TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày 17/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Cảnh;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Công T**, sinh ngày 16/12/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số nhà A, tổ C, khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế H, sinh năm 1980 và bà Dương Thị K, sinh năm 1987; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 03/12/2024, bị Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường C) áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, thời hạn cai nghiện 01 năm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Vũ L**, sinh ngày 13/02/2002 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp M, xã K, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: Tổ A, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn M, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Diệu H1, sinh năm 1975; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam B - Cơ sở 3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 2001. Nơi cư trú: T13, T, xã T, thị xã T,

tỉnh An Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh An Giang); (Vắng mặt)

2. Ông Danh T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh An Giang (nay là khu phố B, xã A, tỉnh An Giang); (Vắng mặt)

3. Ông Phan Hồng D, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau); (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Số nhà A, tổ D, khu phố D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh năm 2006. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số nhà B, ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Công T không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài và có mua túy để sử dụng, từ tháng 7/2025, T nảy sinh ý định bán trái phép chất ma túy cho các con nghiện. T mua ma túy đá 02 lần giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) của người đàn ông thường gọi là "Hói" (không rõ nhân thân lai lịch) và ngày 01/8/2025, T mua ma túy đá của Nguyễn Trung H2, sinh ngày 27/11/2002, thuê trọ tại nhà trọ Mai Thị P, phòng số 66, tổ D, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, T liên hệ với H2 qua ứng dụng mạng xã hội Zalo (tài khoản của T tên "TB" đăng ký bằng số điện thoại 0355859104, tài khoản của H2 tên "Hiếu N") để đặt mua ma túy đá, sau đó T thuê phòng tại Hotel T, thuộc phường C và yêu cầu H2 giao ma túy tại đó, T chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản ngân hàng V số 0943252733 của H2 với số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) và đem ma túy về cất giấu tại nhà thuộc ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua được ma túy, T phân chia thành từng phần nhỏ bán lại cho các con nghiện với giá tiền từ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và dùng để sử dụng. Khi các con nghiện muốn mua ma túy thì liên lạc với T qua tài khoản Zalo của T tên "TB" đăng ký bằng số điện thoại 0355859104. T sẽ hẹn các con nghiện đến các địa điểm tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện việc mua bán ma túy. Với cách thức trên T đã bán ma túy cho Trịnh Vũ L, đối tượng tên T3 đắng, H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) và nhiều đối tượng khác không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 31/7/2025, Trịnh Vũ L và đối tượng tên T4 (không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn của L muốn có ma túy để sử dụng. L điện thoại cho T muốn 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) ma túy, T đồng ý. T hẹn L tại cổng nghĩa trang H4 thuộc ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh để mua bán trái phép chất ma túy. T điều khiển xe mô tô biển số 67H1-734.91 đến điểm đã hẹn. L dùng xe mô tô biển số 69F3-5771 chở theo đối tượng Thanh đến điểm hẹn. Tại đây, T cùng bán trái phép gói ma túy với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cho cả L và đối tượng tên T4. Sau khi, L và đối tượng tên T4 mua được ma túy thì L sử dụng ma túy một mình, đối tượng tên T4 không sử dụng. Đến khoảng 18 giờ, ngày 01/8/2025, L và đối tượng tên T4 tiếp tục mua 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) của T. Sau khi mua được ma

túy, L mang về phòng trọ của mình tại tổ A, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu còn đối tượng tên T4 về phòng trọ của T4. Đến 19 giờ ngày 01/8/2025, Công an xã P kiểm tra phòng của L thì phát hiện gói ma túy nên bắt quả tang L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng tạm giữ: 01 (một) gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) điện thoại hiệu Realme màu trắng gắn sim số 0367310922; 01 (một) xe mô tô biển số 69F3-5771, số khung 5HU008839, số máy 5HU008839;

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 01/8/2025, đối tượng có tên Z là "H1" (không rõ họ tên, địa chỉ) gọi điện hỏi mua 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ma túy đá, T đồng ý và hẹn gặp tại nghĩa trang H4 thuộc ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. T điều khiển xe mô tô biển số 68U5-0058 chở theo Nguyễn Văn C1, sinh năm 2002, trú tại khu phố D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh để đi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng tên "H1". Khi đến nghĩa trang H4 thuộc ấp A, phường C, Thành phố H, T bị Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra và phát hiện trên tay của T đang cầm 01 (một) đoạn ống hút hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để phục vụ điều tra. Vật chứng tạm giữ: 01 (một) đoạn ống hút hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng kèm sim số 0355859104, số Imei 357272091841373; 01 (một) xe mô tô biển số 68U5-0058, số khung RLS5C6107Y142028; số máy SC61-142028; tiếp tục khám xét nơi ở của T tại nhà số A, ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện: 01 (một) đoạn ống hút lớn hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất màu vàng; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) lọ thủy tinh nắp màu vàng, gắn ống hút màu xanh lá; 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong không có ma túy; 01 (một) xe mô tô biển số 67H1-734.91 số khung 4114LK883089, số máy KF41E1885499, hiệu Vario màu đen;

Ngoài ra, T còn bán 05 (năm) lần ma túy cho 03 (ba) đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ với giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính của Lê Công T từ việc mua bán trái phép chất ma túy là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đối với khối lượng ma túy mà Lê Công T đã bán. Lê Công T không xác định được khối lượng và không có cơ sở để xác định được khối lượng.

Qua quá trình điều tra, Lê Công T tiếp tục khai nhận: Lê Công T và Nguyễn Văn C1 là bạn bè quen biết và đều là đối tượng sử dụng ma túy từ đầu năm 2025 đến nay. Trong quá trình quen biết nhau, C1 đến nhà T chơi và sử dụng ma túy do T cung cấp trong phòng của T tại ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh 02 (hai) lần: 01 (một) lần vào tháng 05/2025 và ngày 01/8/2025. Việc sử dụng ma túy diễn ra ở phòng ngủ của T, C1 thường qua nhà T chơi và được T rủ sử dụng chung chứ không bàn bạc từ trước. Ma túy và bộ D2 sử dụng ma túy mỗi lần sử dụng đều do T chuẩn bị sẵn, việc T cho C1 sử dụng ma túy thì C1 không góp tiền cho T hay đổi lại gì để được sử dụng. Tất cả các lần C1 sử

dụng ma túy tại nhà T thì ma túy, bộ dụng cụ sử dụng, địa điểm sử dụng đều là của T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định số D2716/QĐ-CSMT ngày 02/8/2025 trưng cầu giám định chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) đoạn ống hút hàn kín hai đầu thu tại phòng trọ của Trịnh Vũ L (ký hiệu M1); 01 (một) đoạn ống hút hàn kín hai đầu thu trên người của Lê Công T (ký hiệu M2); chất màu vàng trong 01 (một) đoạn ống hút hàn kín hai đầu thu tại nhà của Lê Công T (ký hiệu M3). Tại kết luận giám định số: 2202/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,1603gam (M1) và 0,1219gam (M2); Chất màu vàng gửi giám định là ma túy, loại MDMA khối lượng 0,0760gam (M3).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định số D2895/QĐ-CSMT ngày 09/8/2025 trưng cầu giám định mẫu nước tiểu của Lê Công T và Trịnh Vũ L. Tại Kết luận giám định số: 3005/KL-KTHS ngày 16/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Mẫu nước tiểu của Lê Công T và Trịnh Vũ L gửi giám định đều có thành phần ma túy, loại Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định số A14605/QĐ-CSMT ngày 13/8/2025 trưng cầu giám định vết màu nâu bám dính trong 01 (một) nỏ thủy tinh thu tại nhà của Lê Công T. Tại kết luận giám định số: 3436/KL-KTHS ngày 18/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Vết màu nâu bám dính gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được trọng lượng/khối lượng.

Đối với chất màu vàng gửi giám định là ma túy, loại MDMA khối lượng 0,0760gam (M3) thu giữ của T. T tàng trữ để mục đích sử dụng. Khối lượng tàng trữ chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chuyển đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H để xử lý hành chính.

Về mặt dân sự: Không đặt ra xem xét.

Cáo trạng số 89/CT-VKS19 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Công T về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; truy tố bị cáo Trịnh Vũ L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; Điều 38, Điều 55 và các điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Công T từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trịnh Vũ L từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Về việc xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67H1-734.91 do anh Huỳnh Văn C đứng tên chủ sở hữu, anh C bán xe cho chị Nguyễn Ngọc Bảo T2. Chị T2 sống với bị cáo T như vợ chồng. Việc bị cáo T lấy xe đi bán ma túy thì chị T2 không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả xe mô tô trên cho chị T2.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 68U5-0058 do ông Danh T1 làm chủ sở hữu. Bị cáo T mua lại xe mô tô trên nhưng chưa sang tên. Bị cáo T dùng xe mô tô trên làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 69F3-5771 do ông Phan Hồng D đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo L mua lại xe mô tô trên nhưng chưa sang tên. Bị cáo L dùng xe mô tô trên làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại hiệu Realme màu trắng gắn sim số 0367310922; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng kèm sim số 0355859104, số I 357272091841373 là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với Mẫu vật M1, M2, M3 hoàn lại sau giám định là chất ma túy cấm lưu hành, tàng trữ nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) lọ thủy tinh nắp màu vàng, gắn ống hút màu xanh lá; 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong không có ma túy là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội và không có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) là tổng số tiền thu lợi của bị cáo Lê Công T từ việc mua bán trái phép chất ma túy, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Công T nộp lại số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Lê Công T cho rằng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Bị cáo Trịnh Vũ L cho rằng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lê Công T, bị cáo Trịnh Vũ L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Lê Công T, Trịnh Vũ L khai nhận: Từ khoảng tháng 7/2025 đến ngày 01/8/2025, tại khu vực phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Công T đã 08 (tám) lần bán trái phép ma túy cho Trịnh Vũ L, đối tượng tên T4, đối tượng tên T3 đắng, đối tượng tên H2 và một số đối tượng khác không rõ họ tên, địa chỉ với giá từ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đến 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép ma túy là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong các lần T bán trái phép ma túy thì có 02 (hai) lần T đồng thời bán trái phép chất ma túy cho Trịnh Vũ L và đối tượng tên T4. Hành vi của Lê Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Tháng 05/2025 và ngày 01/8/2025, tại khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Công T còn 02 (hai) lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn C1. Hành vi của Lê Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Đến khoảng 19 giờ, ngày 01/8/2025, tại ấp B, xã P, Thành phố

Hồ Chí Minh, Công an xã P bắt quả tang Trịnh Vũ L đang tàng trữ ma túy loại Methamphetamine, khối lượng là 0,1603gam. Hành vi của Trịnh Vũ L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Theo Kết luận giám định số: 2202/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,1603gam (M1) và 0,1219gam (M2); chất màu vàng gửi giám định là ma túy, loại MDMA khối lượng 0,0760gam (M3). Tại Kết luận giám định số: 3005/KL-KTHS ngày 16/8/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Mẫu nước tiểu của Lê Công T và Trịnh Vũ L gửi giám định đều có thành phần ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Công T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trịnh Vũ L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của của Bộ luật Hình sự. Về nhận thức, bị cáo Lê Công T biết việc mua bán trái phép chất ma tuý và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Trịnh Vũ L biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Như vậy, Cáo trạng số 89/CT-VKS19 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Công T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Vũ L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy mà Nhà nước ta đang tiến hành và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Công T và Trịnh Vũ L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Công T và Trịnh Vũ L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Đối với tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" bị cáo Lê Công T tự nguyện khai báo hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Lê Công T và Trịnh Vũ L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67H1-734.91 do anh Huỳnh Văn C đứng tên chủ sở hữu, anh C bán xe cho chị Nguyễn Ngọc Bảo T2. Chị T2 sống với bị cáo T như vợ chồng. Việc bị cáo T lấy xe đi bán ma túy thì chị T2 không biết nên Hội đồng xét xử trả xe mô tô trên cho chị T2.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 68U5-0058 do ông Danh T1 làm chủ sở hữu. Bị cáo T mua lại xe mô tô trên nhưng chưa sang tên. Bị cáo T dùng xe mô tô trên làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 69F3-5771 do ông Phan Hồng D đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo L mua lại xe mô tô trên nhưng chưa sang tên. Bị cáo L dùng xe mô tô trên làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại hiệu Realme màu trắng gắn sim số 0367310922; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng kèm sim số 0355859104, số I 357272091841373 là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với Mẫu vật M1, M2, M3 hoàn lại sau giám định là chất ma túy cấm lưu hành, tàng trữ nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) lọ thủy tinh nắp màu vàng, gắn ống hút màu xanh lá; 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong không có ma túy là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) là tổng số tiền thu lợi của bị cáo Lê Công T từ việc mua bán trái phép chất ma túy, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Công T nộp lại số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47, Điều 50 và Điều 55; các điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tuyên bố bị cáo Trịnh Vũ L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025: Xử phạt bị cáo Lê Công T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2025.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025: Xử phạt bị cáo Trịnh Vũ L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại: 01 (một) xe mô tô biển số 67H1-734.91, số khung 4114LK883089, số máy KF41E1885499, hiệu Vario màu đen (xe không kính chiếu hậu, không kiểm tra bên trong máy) cho chị Nguyễn Ngọc Bảo T2.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 68U5-0058, số khung RLS5C6107Y142028, số máy 5C61-142028 (xe không kính chiếu hậu, phần đầu xe hư hỏng, không kiểm tra bên trong máy).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 69F3-5771, số khung 5HU008839; số máy 5HU008839 (xe có 01 (một) kính chiếu hậu, không bửng, không kiểm tra bên trong máy).

Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bì thư niêm phong ghi số 179/PC09-M1, 179/PC09-M2, 179/PC09-M3 có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký Nguyễn Ngọc D1 (cán bộ trả mẫu); Đinh Công T5 (cán bộ nhận mẫu). Khối lượng mẫu vật niêm phong M1= 0,1093

gam; M2 = 0,0986 gam; M3 = 0,0289 gam (Theo Kết luận giám định số 2202/KL-KTHS ngày 08/8/2025 và Biên bản giao nhận mẫu) hoàn lại sau giám định là chất ma túy cấm lưu hành.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 254/PC09 có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký Nam Thái H3 (cán bộ trả mẫu); Đinh Công T5 (cán bộ nhận mẫu) bên trong có 01 (một) nỏ thủy tinh. (Theo Kết luận giám định số 3436 ngày 19/8/2025 và Biên bản giao nhận mẫu);

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại hiệu Realme màu trắng gắn sim số 0367310922 (tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được số sim và số imei); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu trắng kèm sim số 0355859104, số Imei 357272091841373 (điện thoại vỡ màn hình, tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được số sim).

Buộc bị cáo Lê Công T nộp số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc: Bị cáo Lê Công T, Trịnh Vũ L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND khu vực 19-Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (2)
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng PV06 Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- UBND nơi cư trú của bị cáo (thay thông báo); (2)
- Bị cáo; (2)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (5)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Quế